

Bản án số: 05/2025/HSST

Ngày: 04-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tuyền và ông Lê Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở TAND khu vực 13 – Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh Q, sinh ngày 02/12/1998, nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Thanh K, sinh năm 1973 (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1974; có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2024, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Ngọc L, sinh ngày 11/6/2000, nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Ngọc V, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1980; có 01 con và 01 em; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 01/9/2022 bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2024, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Lê V1, sinh ngày 06/7/1994, nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Văn P, sinh năm 1959 (chết) và bà Lê Thị T2, sinh năm 1964; có 03 con; Vợ: Lê Trúc L1, sinh năm 1997 (đã ly hôn); Tiền án: Không. Tiền sự:

Ngày 22/11/2022 bị Công an thị xã Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi mang theo cây gỗ tre nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác.

Nhân thân:

- Ngày 05/4/2016 bị Công an thị xã Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 về hành vi Đánh bạc;

- Ngày 27/11/2019 bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/09/2024, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trà Thị Thanh T3, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn X, xã H, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

2. Trần Thanh S, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn X, xã T, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin vắng mặt.

3. Đào Minh T4, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin vắng mặt.

4. Nguyễn Văn P1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn X, xã T, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin vắng mặt.

5. Đào Tấn T5, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn X, xã T, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

6. Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

7. Nguyễn Chí H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

8. Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

9. Lê Ngọc V, sinh năm 1978, Phạm Thị T1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk; Đều có mặt.

10. Nguyễn Thị D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin vắng mặt.

11. Lê Thị T2, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người chứng kiến:* Nguyễn Văn T6; nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 24/9/2024, Trần Thanh Q, Lê Ngọc L, Trần Lê V1 và Trà Thị Thanh T3 chơi tại nhà Q ở thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn N, xã T, tỉnh Đắk Lắk). Quý chơi game thắng được 3.500.000 đồng nên rủ L lấy tiền mua ma túy về tổ chức sử dụng và bán cho người khác kiếm lời, L đồng ý. L và Q bảo V1 đi mua ma túy về cho cả nhóm sử dụng, V1 đồng ý. Quý đưa điện thoại của mình, L đưa xe mô tô biển số 78F1-533.81 (do ông Lê Ngọc V - cha của L đứng tên) cho V1 đi mua ma túy. Được một lúc thì V1 nhắn tin bảo Q chuyển số tiền 3.200.000 đồng vào tài khoản ví điện tử Momo số 0705134468 để mua ma túy. Khoảng 21 giờ 30 phút, V1 mang 01 gói ma túy đá đựng trong 01 túi nilon màu xanh về đưa cho Q. Sau đó, Q mang ra 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá đã chuẩn bị trước rồi lấy một ít ma túy cho vào phễu, Q dùng bật lửa có sẵn trong phòng đốt nỏ thủy tinh rồi sử dụng bằng hình thức hút; hút ma túy xong, Q đưa cho V1, L và T3 thay phiên nhau hút. Sau khi sử dụng ma túy, Q và L lấy số ma túy còn lại trong túi nilon màu xanh phân lẻ thành nhiều gói nhỏ, cất giấu vào hộc tủ bên trong phòng ngủ của Q để có ai hỏi mua thì bán kiếm lời.

Chiều ngày 26/9/2024, Lê Ngọc L, Trần Lê V1 và Trần Thanh S đến nhà Trần Thanh Q ở thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn N, xã T, tỉnh Đắk Lắk) chơi thì V1 muốn sử dụng trái phép chất ma túy nên lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá ở trong phòng ngủ của Q ra rồi ngồi đợi Quý về lấy ma túy ra để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 18 giờ 50 phút cùng ngày, Q về và bảo L lấy số ma túy ra cho cả nhóm sử dụng thì L vào hộc tủ lấy số ma túy mà Q và L cất giấu trước đó ra, lấy một ít ma túy cho vào phễu thủy tinh, V1 dùng bật lửa có sẵn trong phòng đốt nỏ thủy tinh rồi sử dụng bằng hình thức hút; Hút xong, V1 đưa cho S, L và Q thay phiên sử dụng; số ma túy còn lại thì L cất giấu trong người để có ai hỏi mua thì bán. Lúc 20 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc L, Q, V1 đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì lực lượng Công an phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ 11 túi nilon chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá trên người L và toàn bộ tang vật, phương tiện có liên quan. L và Q trình bày, số ma túy trên người L là của L và Q, cả hai thống nhất cất giấu để bán cho người khác kiếm lời.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Ngọc L và Trần Thanh Q khai nhận, trong thời gian từ ngày 24/9/2024 đến ngày 26/9/2024, trên địa bàn huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ), Q và L đã 03 lần bán trái phép chất ma túy cho người khác, cụ thể như sau:

Lần 01: Vào khoảng 22 giờ ngày 24/9/2024, Q và L đang ở nhà của Q thì có Đào Minh T4 nhắn tin vào tài khoản Zalo của Q hỏi có biết ai bán ma túy đá không thì Q nói “Quý có bán ma túy đá”, T4 bảo Quý bán 01 gói ma túy thì Q đồng ý. Lúc này, Q bảo L đưa 01 gói ma túy đá mà L và Q vừa phân nhỏ ra vào ngày 24/9/2024 để Q đi bán thì L lấy ma túy đưa Q, Q điều khiển xe mô tô biển số 78F1-533.81 đi đến thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk) bán gói ma túy cho T4 với giá 300.000 đồng. Số tiền này cả hai đã chơi game thua hết.

Lần 02: Vào khoảng 22 giờ ngày 25/9/2024, Q và L đang ở nhà của Q thì có Nguyễn Văn P1 đến gặp Q hỏi mua ma túy đá, Q nói cho L biết rồi đi đến học tử trong phòng ngủ lấy 01 gói ma túy mà Q và L đã cất giấu trước đó ra bán cho P1 với giá 200.000 đồng. P1 chuyển tiền vào tài khoản game của Q, số tiền này cả hai đã chơi game thua hết.

Lần 03: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/9/2024, Q và L đang chơi tại nhà Q thì có Đào Tấn T5 gọi đến số điện thoại 0332393829 của Q hỏi mua ma túy đá thì Q đồng ý rồi nói cho L biết. Quí vào học tử lấy 01 gói ma túy đá mà L và Q đã phân nhỏ ra vào ngày 24/10/2024 cất trong người rồi điều khiển xe mô tô biển số 78F1-533.81 đi đến thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn X, xã T, tỉnh Đắk Lắk) bán gói ma túy cho T5 với giá 300.000 đồng. Số tiền này cả hai đã chơi game thua hết.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Lê V1 khai số ma túy là do V1 mua của Nguyễn Chí H; tài khoản ví điện tử Momo số 0705134468 Nguyễn Văn N đăng ký là do H cho. Tuy nhiên, H trình bày: không bán ma túy cho ai, H không bảo V1 chuyển tiền mua ma túy cho ai; Nguyễn Văn N trình bày: trước đây, khi đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh thì có 01 người bạn ở M, không nhớ rõ họ tên, địa chỉ mượn số điện thoại 0705134468 của N đăng ký tài khoản ví Momo và rồi sử dụng, N không còn sử dụng tài khoản này.

Tại Bản Kết luận giám định số 433/KL-KTHS ngày 08/10/2024, Phòng K1 Công an tỉnh P kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 bì nylon màu xanh vượt kín và 10 bì nylon trong suốt là chất ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 3,037 gam; chất màu nâu bám dính bên trong đầu hình cầu của ống thủy tinh trong suốt là chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,082gam.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSTH ngày 29/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk) truy tố các bị cáo Trần Thanh Q, Lê Ngọc L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ Luật hình sự (BLHS) và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 251 BLHS; truy tố bị cáo Trần Lê V1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS.

* Về vật chứng, đồ vật tạm giữ:

+ 12 túi nylon ký hiệu $A_1=1,248g$, $A_2=0,213g$, $A_3=0,146g$, $A_4=0,171g$, $A_5=0,172g$, $A_6=0,124g$, $A_7=0,141g$, $A_8=0,172g$, $A_9=0,155g$, $A_{10}=0,138g$, $A_{11}=0,169g$, $A_{12}=0,060g$, loại Methamphetamine hoàn trả lại sau giám định, được đóng gói niêm phong đúng quy định;

+ 01 ống thủy tinh có đầu dạng hình cầu và bao bì gửi giám định được đóng gói niêm phong đúng quy định;

+ 01 khâu trang y tế có vết thủng rách, bên trong thấy có 01 túi nylon màu trắng;

+ 01 bì nylon có hoa văn màu trắng, xanh, đỏ, bên trong bì có 48 ống

nhựa màu trắng, rỗng bên trong; 01 bật lửa màu trắng đã mất phần kích phát lửa; 01 cái kéo bằng kim loại; 01 đoạn ống nhựa rỗng bên trong; 01 hộp giấy bên ngoài bọc màu xanh, bên trong màu đen, không có nắp đậy; 01 lọ nhựa có nắp đậy màu xanh, xung quanh quấn băng keo màu đen, bên trong có nước, gắn 01 ống nhựa và thủy tinh;

+ 01 khẩu trang y tế, bên trong khẩu trang có 02 nỗ thủy tinh;

+ Tạm giữ của bị cáo Trần Thanh Q: 01 điện thoại di động hiệu Remi Note 10S, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen.

+ Tạm giữ của bị cáo Lê Ngọc L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55; 01 xe mô tô biển số 78F1-533.81, nhãn hiệu RAIDER, màu sơn: Đen, đỏ.

+ Tạm giữ của bị cáo Trần Lê V1: 01 xe mô tô không gắn biển số, số khung RLHJAS933RY817932, số máy JA70E-0551775; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đồng ý với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi phạm tội của mình là đúng, không oan và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc V, Phạm Thị T1 yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 78F1-533.81 vì ông V, bà T1 đưa xe cho L đi làm chứ không biết L đưa xe cho V1 đi mua ma túy.

Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thanh Q, bị cáo Lê Ngọc L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Lê V1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 38, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 BLHS:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh Q từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt: từ 14 năm 06 tháng đến 15 năm 06 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/9/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt: từ 14 năm 06 tháng đến 15 năm 06 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/9/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Lê V1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/9/2024.

* Về vật chứng thu giữ:

Tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng dùng vào việc phạm tội:

+ 12 túi nilon ký hiệu $A_1=1,248g$, $A_2=0,213g$, $A_3=0,146g$, $A_4=0,171g$, $A_5=0,172g$, $A_6=0,124g$, $A_7=0,141g$, $A_8=0,172g$, $A_9=0,155g$, $A_{10}=0,138g$, $A_{11}=0,169g$, $A_{12}=0,060g$, loại Methamphetamine hoàn trả lại sau giám định, được đóng gói niêm phong đúng quy định;

+ 01 ống thủy tinh có đầu dạng hình cầu và bao bì gửi giám định được đóng gói niêm phong đúng quy định;

+ 01 khẩu trang y tế có vết thủng rách, bên trong thấy có 01 túi nilon màu trắng;

+ 01 bịch nilon có hoa văn màu trắng, xanh, đỏ, bên trong bịch có 48 ống nhựa màu trắng, rỗng bên trong; 01 bật lửa màu trắng đã mất phần kích phát lửa; 01 cái kéo bằng kim loại; 01 đoạn ống nhựa rỗng bên trong; 01 hộp giấy bên ngoài bọc màu xanh, bên trong màu đen, không có nắp đậy; 01 lọ nhựa có nắp đậy màu xanh, xung quanh quấn băng keo màu đen, bên trong có nước, gắn 01 ống nhựa và thủy tinh;

+ 01 khẩu trang y tế, bên trong khẩu trang này có 02 nỏ thủy tinh.

Tịch thu sung vào ngân sách đối với 01 điện thoại di động hiệu Remi Note 10S, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen của bị cáo Q vì đã dùng để thực hiện tội phạm.

Trả lại 01 xe mô tô không gắn biển số, số khung RLHJA3933RY817932, số máy JA70E0551775 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38 cho bị cáo V1 vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 cho bị cáo L vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại 01 xe mô tô biển số 78F1-533.81, nhãn hiệu RAIDER, màu sơn: đen, đỏ cho ông Lê Ngọc V, bà Phạm Thị T1 vì ông V, bà T1 đưa xe cho L đi làm chứ không biết L đưa xe cho V1 đi mua ma túy.

Truy thu của các bị cáo Trần Thanh Q, Lê Ngọc L số tiền bán ma túy là 800.000đ (T7 trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thanh S, Đào Minh T4, Nguyễn Văn P1, Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai đầy đủ và không có yêu cầu gì, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận tội như nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, công cụ dùng vào việc thực hiện tội phạm. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 24 và 26/9/2024, tại thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn N, xã T, tỉnh Đắk Lắk), các bị cáo Trần Thanh Q, Lê Ngọc L, Trần Lê V1 đã có hành vi 02 lần cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và cho 02 người khác cùng sử dụng. Ngoài ra, từ ngày 24/9/2024 đến 26/9/2024, Trần Thanh Q và Lê Ngọc L còn có hành vi 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Đào Minh T4, Nguyễn Văn P1 và Đào Tấn T5.

Hành vi của các bị cáo Trần Thanh Q, Lê Ngọc L đã phạm vào các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 251 BLHS; Hành vi của bị cáo Trần Lê V1 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa (cũ) truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc sử dụng và mua bán ma túy là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy; làm phát sinh, lây lan các tệ nạn xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm cho xã hội.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo có vai trò khác nhau khi thực hiện tội phạm nên mức hình phạt cũng khác nhau.

Bị cáo Q là người thực hiện tích cực tội phạm nhất, góp tiền, cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ và bố trí địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, từ ngày 24/9/2024 đến 26/9/2024, Q đã 03 lần thực hiện hành vi bán ma túy cho người khác nhằm mục đích kiếm lời nên mức hình phạt cao hơn bị cáo L, V1.

Bị cáo L là người đưa xe cho V1 đi mua ma túy, cung cấp ma túy để Q, V1, Sao sử dụng ngày 26/9/2024; đã 03 lần thực hiện hành vi bán ma túy cho người khác để nhằm mục đích kiếm lời. Ngoài ra, bị cáo từng bị Công an huyện

T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích, nên mức hình phạt sẽ cao hơn bị cáo V1.

Bị cáo V1 là người trực tiếp đi lấy ma túy về để sử dụng chung vào các ngày 24 và 26/9/2024. Bị cáo nhân thân xấu và bị Công an thị xã Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi mang theo cây gậy tre nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, ba bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Quá trình điều tra, bị cáo Q, L tự khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo L từng tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo V1 có cha ruột được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng nên được hai bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

[9] Về vật chứng, đồ vật tạm giữ:

Đối với các vật chứng dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy gồm:

+ 12 túi nilon ký hiệu $A_1=1,248g$, $A_2=0,213g$, $A_3=0,146g$, $A_4=0,171g$, $A_5=0,172g$, $A_6=0,124g$, $A_7=0,141g$, $A_8=0,172g$, $A_9=0,155g$, $A_{10}=0,138g$, $A_{11}=0,169g$, $A_{12}=0,060g$, loại Methamphetamine hoàn trả lại sau giám định, được đóng gói niêm phong đúng quy định;

+ 01 ống thủy tinh có đầu dạng hình cầu và bao bì gửi giám định được đóng gói niêm phong đúng quy định;

+ 01 khẩu trang y tế có vết thủng rách, bên trong thấy có 01 túi nilon màu trắng;

+ 01 bịch nilon có hoa văn màu trắng, xanh, đỏ, bên trong bịch có 48 ống nhựa màu trắng, rỗng bên trong; 01 bật lửa màu trắng đã mất phần kích phát lửa; 01 cái kéo bằng kim loại; 01 đoạn ống nhựa rỗng bên trong; 01 hộp giấy bên ngoài bọc màu xanh, bên trong màu đen, không có nắp đậy; 01 lọ nhựa có nắp đậy màu xanh, xung quanh quấn băng keo màu đen, bên trong có nước, gắn 01 ống nhựa và thủy tinh;

+ 01 khẩu trang y tế, bên trong khẩu trang có 02 nỏ thủy tinh.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Remi Note 10S, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen đều của bị cáo Q, các bị cáo dùng để thực hiện giao dịch mua, bán ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 của bị cáo L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo;

Đối với 01 xe mô tô không gắn biển số, số khung RLHJA3933RY817932, số máy JA70E0551775, loại xe Wave α , nhãn hiệu Honda và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38 của bị cáo V1 đều không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô biển số 78F1-533.81, nhãn hiệu RAIDER, màu sơn: Đen, đỏ, là tài sản chung của ông Lê Ngọc V, bà Phạm Thị T1. Do ông V, bà T1 không biết L dùng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, tại phiên tòa ông V, bà T1 đều có yêu cầu được nhận lại xe nên cần trả lại.

Đối với số tiền 800.000 đồng, xác định là tiền mà bị cáo Q, L bán ma túy cho Đào Minh T4, Nguyễn Văn P1, Đào Tấn T5 trong các ngày 24, 25, 26/9/2024. Đây là tiền liên quan đến hành vi phạm tội cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Đối với Nguyễn Chí H và Nguyễn Văn N, Cơ quan điều tra đã làm việc, xác minh thì ngoài lời khai của bị cáo Trần Lê V1 thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh H là người đã bán ma túy cho V1 và không có tài liệu thể hiện N đang sử dụng tài khoản ví Momo số 0705134468 nên không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H và N.

Đối với Trà Thị Thanh T3, Trần Thanh S, cả hai chỉ tham gia sử dụng trái phép chất ma túy, không tham gia cùng các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không biết việc bị cáo Q, L bán ma túy cho người khác nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự và Công an huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) đã xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng đối với Trà Thị Thanh T3; xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng đối với Trần Thanh S là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đào Minh T4, Nguyễn Văn P1, Đào Tấn T5, Công an huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) đã xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng đối với Đào Minh T4; xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng đối với Nguyễn Văn P1; xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng đối với Đào Tấn T5 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Lê Ngọc V, Phạm Thị T1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 78F1-533.81, ông V, bà T1 không biết việc bị cáo Lê Ngọc L và Trần Thanh Q sử dụng xe để mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Xuân T là mẹ của bị cáo Q, bà T không biết việc các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của T nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị D là chủ công ty đã bán xe máy có số khung RLHJA3933RY817932, số máy JA70E0551775, loại xe Wave α , nhãn hiệu Honda cho bị cáo Trần Lê V1 với số tiền 20.800.000 đồng. V1 đã giao đủ tiền nên Công ty đã giao xe có đặc điểm như trên cho V1 nên bà không có yêu cầu gì.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Thanh Q, Lê Ngọc L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Bị cáo Trần Lê V1 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với ba bị cáo; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 251, điểm r khoản 1 Điều 51, Điều 55 BLHS đối với bị cáo Q, L; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo L, V1.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh Q: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh trên, buộc bị cáo phải chấp hành mức hình phạt: 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/9/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc L: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh trên, buộc bị cáo phải chấp hành mức hình phạt: 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/9/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Lê V1: 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/9/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy gồm: 12 túi nilon ký hiệu $A_1=1,248g$, $A_2=0,213g$, $A_3=0,146g$, $A_4=0,171g$, $A_5=0,172g$, $A_6=0,124g$, $A_7=0,141g$, $A_8=0,172g$, $A_9=0,155g$, $A_{10}=0,138g$, $A_{11}=0,169g$, $A_{12}=0,060g$, loại Methamphetamine hoàn trả lại sau giám định, được đóng gói niêm phong đúng quy định; 01 ống thủy tinh có đầu dạng hình cầu và bao bì gửi giám định được đóng gói niêm phong đúng quy định; 01 khẩu trang y tế có vết thủng rách, bên trong thấy có 01 túi nilon màu trắng; 01 bịch nilon có hoa văn màu trắng, xanh, đỏ, bên trong bịch có 48 ống nhựa màu trắng, rỗng bên trong; 01 bột lửa màu trắng đã mất phần kích

phát lửa; 01 cái kéo bằng kim loại; 01 đoạn ống nhựa rỗng bên trong; 01 hộp giấy bên ngoài bọc màu xanh, bên trong màu đen, không có nắp đậy; 01 lọ nhựa có nắp đậy màu xanh, xung quanh quấn băng keo màu đen, bên trong có nước, gắn 01 ống nhựa và thủy tinh; 01 khẩu trang y tế, bên trong khẩu trang này có 02 nỏ thủy tinh.

Tịch thu sung vào ngân sách: 01 điện thoại di động hiệu Remi Note 10S, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen của bị cáo Trần Thanh Q.

Trả lại 01 xe mô tô không gắn biển số, số khung RLHJA3933RY817932, số máy JA70E0551775, loại xe Wave α , nhãn hiệu Honda và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38 cho bị cáo Trần Lê V1.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 cho bị cáo Lê Ngọc L.

Trả lại 01 xe mô tô biển số 78F1-533.81, nhãn hiệu RAIDER, màu sơn: đen, đỏ cho ông Lê Ngọc V, bà Phạm Thị T1.

Vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/06/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện T (cũ) và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Hòa (nay là Phòng THADS khu vực 13-Đắk Lắk).

Truy thu của các bị cáo Trần Thanh Q, Lê Ngọc L số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước, mỗi bị cáo phải nộp 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Trần Thanh Q, Lê Ngọc L, Trần Lê V1 mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND khu vực 13 -Đắk Lắk ;
- Phòng THADS khu vực 13- Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền